

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

97 PHẠM HỮU CHÍ P.12 Q.5

ĐT: 38552354 - FAX: 39550424



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2017



NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		197.883.612.886	142.387.186.401
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	50.360.540.017	45.735.185.677
1. Tiền	111		18.660.540.017	19.935.185.677
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.700.000.000	25.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.122.774.640	17.259.144.493
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	112.385.056.009	8.120.013.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.107.224.611	6.631.939.166
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	3.615.585.556	4.425.842.752
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.985.091.536)	(1.918.650.732)
IV. Hàng tồn kho	140		20.068.590.750	69.533.436.015
Hàng tồn kho	141	V.6	20.068.590.750	69.533.436.015
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.331.707.479	9.859.420.216
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.230.523.969	2.151.994.802
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.101.183.510	7.707.425.414
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.183.446.684	314.843.657.220
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7.901.515	165.608.583
Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	7.901.515	165.608.583
II. Tài sản cố định	220		215.821.215.714	240.416.015.921
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	215.164.353.136	239.978.579.253
Nguyên giá	222		679.798.003.772	666.082.581.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(464.633.650.636)	(426.104.002.645)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	656.862.578	437.436.668
Nguyên giá	228		4.651.186.666	3.964.186.666
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.994.324.088)	(3.526.749.998)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		12.472.354.505	14.400.075.773
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	12.472.354.505	14.400.075.773
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.330.000	8.330.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		8.330.000	8.330.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55.873.644.950	59.853.626.943
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	55.873.644.950	59.853.626.943
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		482.067.059.570	457.230.843.621

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		273.528.907.213	247.897.660.145
I. Nợ ngắn hạn	310		250.971.910.394	221.737.389.399
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	153.651.867.752	111.138.542.405
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	4.334.289.690	3.726.004.997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	16.715.856.722	16.548.788.705
4. Phải trả người lao động	314		17.335.070.589	15.051.717.344
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	39.515.227.083	51.944.081.621
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	15.478.722.500	18.847.213.384
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	1.788.212.721	2.199.169.755
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.152.663.337	2.281.871.188
II. Nợ dài hạn	330		22.556.996.819	26.160.270.746
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	18.845.260.211	20.660.321.417
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	3.711.736.608	5.499.949.329
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.538.152.357	209.333.183.476
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	208.538.152.357	209.333.183.476
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		130.000.000.000	130.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>130.000.000.000</i>	<i>130.000.000.000</i>
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.113.094.929	57.386.667.692
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.425.057.428	21.946.515.784
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ tr</i>	<i>421a</i>		<i>1.341.752.120</i>	<i>7.764.953.688</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>14.083.305.308</i>	<i>14.181.562.096</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		482.067.059.570	457.230.843.621

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2018




VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM LOAN
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ IV		LŨY KẾ	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		340.940.604.659	253.830.110.596	1.076.667.658.717	976.821.997.205
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45.161.833	154.173.856	262.876.562	502.094.283
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	340.895.442.826	253.675.936.740	1.076.404.782.155	976.319.902.922
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	301.818.043.128	221.069.832.947	1.013.965.717.097	908.566.828.545
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.077.399.698	32.606.103.793	62.439.065.058	67.753.074.377
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	698.786.172	822.963.155	1.241.415.390	1.911.967.312
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	465.717.983	237.530.677	1.070.577.493	1.044.933.161
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		465.717.983	237.530.677	1.070.577.493	1.044.933.161
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.055.427.795	4.406.509.963	13.542.100.952	12.783.405.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.219.124.103	20.151.362.685	37.851.495.735	39.573.652.099
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.035.915.989	8.633.663.624	11.216.306.268	16.263.051.208
11. Thu nhập khác	31		5.662.678.013	896.748.275	7.374.166.496	3.100.126.823
12. Chi phí khác	32		874.769.686	1.697.335.665	986.341.131	2.002.802.683
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	4.787.908.327	(800.587.390)	6.387.825.365	1.097.324.140
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.823.824.316	7.833.076.234	17.604.131.633	17.360.375.348
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	3.520.826.326	3.178.813.252	3.520.826.326	3.178.813.252
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		23.302.997.990	4.654.262.982	14.083.305.308	14.181.562.096
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a	1.793	358	1.083	1.091
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b	1.793	358	1.083	1.091



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2018

LÊ TRỌNG HIẾU
 Giám đốc

VU THỊ NHU QUỲNH
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	2017	2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	17.604.131.633	17.360.375.348
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	41.580.384.081	43.548.577.656
- Các khoản dự phòng	66.440.804	231.274.218
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(4.318.286.390)	(1.964.240.039)
- Chi phí lãi vay	1.070.577.493	1.044.933.161
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	56.003.247.621	60.220.920.344
- Tăng, giảm các khoản phải thu	(99.116.267.812)	(1.685.925.785)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	49.464.845.265	(53.327.881.416)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	46.370.653.198	54.003.374.909
- Tăng, giảm chi phí trả trước	2.901.452.826	9.744.588.300
- Tiền lãi vay đã trả	(1.070.577.493)	(1.044.933.161)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	3.178.813.252	(2.941.932.760)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	193.234.127	62.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.100.778.401)	(5.685.041.936)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	51.824.622.583	59.345.168.495
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(37.185.558.931)	(57.848.454.236)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	62.236.105	52.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(25.800.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	25.800.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.191.561.223	1.978.272.868
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(35.931.761.603)	(55.817.908.641)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền trả nợ gốc vay	(2.199.169.755)	(2.502.862.548)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(9.068.336.885)	(10.529.868.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(11.267.506.640)	(13.032.731.168)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4.625.354.340	(9.505.471.314)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	45.735.185.677	55.240.656.991
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	50.360.540.017	45.735.185.677



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2018

LÊ TRỌNG HIẾU
 Giám đốc

VŨ THỊ NHƯ QUỲNH
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM LOAN
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn (tên giao dịch: Cho Lon Wasuco JSC) là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16 tháng 01 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ nhất lần thứ nhất ngày 02 tháng 06 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ hai số 0304797806 ngày 16 tháng 05 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật Ông Lê Trọng Hiếu thay thế Ông Phạm Mạnh Đức.

Cổ phiếu của Công ty được phép niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 223/2010/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với số lượng 13.000.000 cổ phiếu niêm yết tương ứng 130.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 01 năm 2011, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn đã chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là CLW.

- **Vốn điều lệ** : 13.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 13.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Số 97 đường Phạm Hữu Chí, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-08) 3 9552 354
- Fax : (84-08) 3 9550 424
- Mã số thuế : 0 3 0 4 7 9 7 8 0 6

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Ngành, nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước – dân dụng – công nghiệp (trừ: khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Lập dự án;
- Thăm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý ký gửi hàng hóa./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực cung cấp nước sạch phục vụ tiêu dùng và sản xuất, cùng với sự phát triển của hệ thống đô thị, hệ thống hạ tầng kỹ thuật nói chung và hệ thống công trình cấp nước nói riêng từng bước được đầu tư xây dựng đồng bộ nhằm đáp ứng các nhu cầu của xã hội là sự gia tăng về các chi phí lắp đặt hệ thống, mạng lưới cấp nước. Nhằm tuân thủ các quy định tại Nghị định 117/2007/ NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, Hàng năm Công ty phát sinh một khoản chi phí gắn mới đồng hồ nước miễn phí cho dân theo kế hoạch của Ủy Ban nhân dân Thành phố mỗi năm là khác nhau. Năm nay Công ty thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước này từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước. Việc thay đổi thời gian phân bổ này có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty trong năm nay.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 448 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 452 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 10 của Công ty kể từ ngày chính thức chuyển sang công ty Cổ Phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Thay đổi ước tính kế toán

Căn cứ Thông tư 23/2013/TT-BKHCN về việc quy định đo lường đối với các phương tiện đo nhóm 2, trong đó đồng hồ nước lạnh cơ khí chu kỳ kiểm định là 5 năm. Ban Giám đốc Công ty quyết định thay đổi thời gian phân bổ các chi phí phát sinh liên quan đến việc gắn mới đồng hồ nước từ 3 năm lên 5 năm cho phù hợp với đặc tính kỹ thuật của đồng hồ nước.

Việc thay đổi thời gian phân bổ chi phí gắn mới đồng hồ nước đã làm chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 giảm xuống với số tiền là 7.439.412.836 VND, Điều này cũng đã làm cho kết quả hoạt động kinh doanh (lợi nhuận trước thuế) năm nay tăng lên tương ứng với số tiền là 7.439.412.836 VND.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản phụ không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày lập Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 07

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Thiết bị văn phòng	03 – 05
Phương tiện vận tải	03 – 06
Phương tiện truyền dẫn	05 – 10

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do bán hay thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

9. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định của Công ty thể hiện phần mềm máy tính.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chưa hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là toàn bộ chi phí phát sinh thực tế liên quan đến việc sửa chữa, cải tạo,.. tài sản cố định. Khi công việc sửa chữa lớn tài sản cố định hoàn thành, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển chi phí vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá trị nhỏ)/ chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được kết chuyển vào “Tài sản cố định” khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích (chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định giá lớn và liên quan đến nhiều kỳ sản xuất kinh doanh).

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên, chi phí gắn mới và thay thế đồng hồ nước, chi phí cải tạo ống mục và chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Chi phí gắn mới đồng hồ nước không thu tiền theo kế hoạch của Ủy Ban nhân dân Thành phố giao được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 đến 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ, chi phí cải tạo ống mục được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa văn phòng làm việc, được phân bổ vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: cổ tức và lợi nhuận phải trả; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả bồi thường, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

13. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trong trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi nhận giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau: Thuế suất 10% từ năm 2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009. Năm nay là năm thứ 8 Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tiền mặt	17.995.993	48.220.501
Tiền gửi ngân hàng	18.642.544.024	19.886.965.176
Các khoản tương đương tiền (i)	31.700.000.000	25.800.000.000
Cộng	<u>50.360.540.017</u>	<u>45.735.185.677</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại ngân hàng thương mại Cổ Phần Sài Gòn chi nhánh Bình Tây, NH NN & PTNT VN với lãi suất 5%/năm (năm 2016: 5%/năm).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khách hàng liên quan đến ngành nước	112.385.056.009	1.985.091.536	8.120.013.307	1.918.650.732
Cộng	<u>112.385.056.009</u>	<u>1.985.091.536</u>	<u>8.120.013.307</u>	<u>1.918.650.732</u>

Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	104.486.986.997	-	5.807.393.426	-
Cộng	<u>104.486.986.997</u>	<u>-</u>	<u>5.807.393.426</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty TNHH TM XD Việt Long	-	1.744.566.842
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	1.614.682.386	1.614.682.386
Công Ty TNHH XDBCN & Đường Ong Hoàng Thăng	810.821.820	810.821.820
Công ty TNHH MTV Bá Đức	1.702.000.000	804.000.000
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	446.849.460	460.117.360
Công ty TNHH ĐTXD - Cấp Thoát Nước & Môi Trường WASEN	2.196.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hưng Đại Việt	1.238.991.723	-
Các khách hàng khác	1.097.879.222	1.197.750.758
Cộng	<u>9.107.224.611</u>	<u>6.631.939.166</u>
Trong đó trả trước người bán là các bên liên quan		
	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty CP Tư Vấn XD Cấp Nước	446.849.460	460.117.360
Cộng	<u>446.849.460</u>	<u>460.117.360</u>

4. Các khoản phải thu khác

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	3.615.585.556		4.425.842.752	-
Phải thu khác là bên liên quan	2.987.027.416		2.979.831.246	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn	2.987.027.416		2.979.831.246	-
Phải thu khác	628.558.140		1.446.011.506	-
Phải thu về khoản cho mượn vật tư - Các phòng ban Công ty cổ phần Cấp Nước Chợ Lớn	184.938.868		782.896.675	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	83.437.500		33.583.333	-
Phải thu khác	261.375.772		607.506.416	-
Tạm ứng	98.806.000		22.025.082	-
b) Phải thu dài hạn khác	7.901.515		165.608.583	-
Ký quỹ dài hạn	7.901.515		165.608.583	-
Cộng	<u>3.623.487.071</u>		<u>4.591.451.335</u>	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khách hàng	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536	8.120.013.307	6.201.362.575	1.918.650.732
Phải thu ngắn hạn khác				-	-	-
Cộng	112.385.056.009	110.399.964.473	1.985.091.536	8.120.013.307	6.201.362.575	1.918.650.732

- Các khoản nợ xấu liên quan các khoản phải thu của khách hàng bán hàng đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khách hàng khó có khả năng thanh toán, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn trong tự.
- Không có khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm,.. theo hợp đồng phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.
- Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.608.878.562	-	20.603.608.651	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.459.712.188	-	48.929.827.364	-
Cộng	20.068.590.750	-	69.533.436.015	-

7. Chi phí trả trước

	31/12/2017	31/12/2016
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	3.230.523.969	2.151.994.802
Công cụ dụng cụ	2.433.123.969	1.419.394.798
Bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	797.400.000	732.600.004
b) Chi phí trả trước dài hạn	55.873.644.950	59.853.626.943
Chi phí sửa chữa văn phòng	184.123.279	303.483.658
Gắn đồng hồ nước theo NĐ 117	39.484.914.311	55.429.235.961
Thay đồng hồ nước	9.400.948.072	3.322.319.142
Chi phí cải tạo ống mục	235.999.151	707.997.447
Chi phí cải tạo ống mục phục vụ CTTN	2.947.263.633	-
Lắp đặt màn sáo	51.766.134	90.590.736
Công cụ dụng cụ	112.584.752	-
Phần mềm ARCGIS	3.034.186.005	-
Xây dựng nhà kho vật tư	421.859.613	-
Cộng	59.104.168.919	62.005.621.745

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2017	29.000.000.000	1.002.282.486	618.213.860.603	17.866.438.809	666.082.581.898
Tăng trong năm	-	186.597.000	21.996.828.136	1.545.408.000	23.728.851.136
Mua trong năm	-	186.597.000	1.333.636.364	1.545.408.000	3.065.641.364
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	20.663.191.772	-	20.663.191.772
Giảm trong năm	-	252.161.000	8.041.386.262	1.719.882.000	10.013.429.262
Khác		150.161.000			150.161.000
Thanh lý, nhượng bán		102.000.000	761.280.000	1.719.882.000	2.583.162.000
Giảm nguyên giá theo quyết toán	-	-	4.360.283.612	-	4.360.283.612
Sửa chữa, tu bổ	-	-	2.919.822.650	-	2.919.822.650
31/12/2017	29.000.000.000	936.718.486	632.169.302.477	17.691.964.809	679.798.003.772
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2017	580.000.000	905.896.168	414.108.266.825	10.509.839.652	426.104.002.645
Tăng trong năm	579.999.997	51.854.648	40.390.426.084	3.018.425.086	44.040.705.815
Khấu hao trong năm	579.999.997	51.854.648	40.390.426.084	3.018.425.086	44.040.705.815
Giảm trong năm	-	110.073.172	3.681.102.650	1.719.882.000	5.511.057.822
Giảm khác		8.073.172			8.073.172
Giảm do quyết toán lại					
Thanh lý, nhượng bán		102.000.000	761.280.000	1.719.882.000	2.583.162.000
Sửa chữa, tu bổ	-	-	2.919.822.650	-	2.919.822.650
31/12/2017	1.159.999.997	847.677.644	450.817.590.259	11.808.382.738	464.633.650.636

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Quản lý	Cộng TSCĐ vô hình
Nguyên giá		
01/01/2017	3.964.186.666	3.964.186.666
Tăng trong năm	5.888.461.725	5.888.461.725
<i>Do mua sắm</i>	5.888.461.725	5.888.461.725
Giảm trong năm	5.201.461.725	5.201.461.725
31/12/2017	4.651.186.666	4.651.186.666
Hao mòn lũy kế		
01/01/2017	3.526.749.998	3.526.749.998
Tăng trong năm	1.684.044.978	1.684.044.978
Giảm trong năm	1.216.470.888	1.216.470.888
31/12/2017	3.994.324.088	3.994.324.088
Giá trị còn lại		
31/12/2016	437.436.668	437.436.668
31/12/2017	656.862.578	656.862.578
Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:		
31/12/2016	3.275.946.666	3.275.946.666
31/12/2017	3.600.946.666	3.600.946.666

10. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Xây dựng cơ bản dở dang		
Sửa chữa di dời nhà làm việc	4.071.580	-
Công trình di dời đường ống	3.332.960.847	3.486.901.865
Công trình chống thất thoát nước	3.033.189.793	1.362.079.914
Công trình cải tạo ống mục	350.541.982	14.779.519
Công trình đầu tư ống cái	1.769.079.944	1.435.349.942
Công trình phát triển mạng lưới	3.982.510.359	8.100.964.533
Cộng	12.472.354.505	14.400.075.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn	145.905.861.221	145.905.861.221	89.410.876.491	89.410.876.491
Công ty TNHH CTCTN&HT Đ.Thị M.A.T	-	-	38.392.980	38.392.980
Công ty CP ĐT XD & TM Thái Bình Dương	74.106.992	74.106.992	74.106.992	74.106.992
Công ty Cổ Phần Xây dựng số 5	2.909.598.399	2.909.598.399	2.909.598.399	2.909.598.399
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	-	-	1.080.544.967	1.080.544.967
Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	2.445.907.640	2.445.907.640
Công ty TNHH Đan Vĩ	16.493.437	16.493.437	671.833.715	671.833.715
Cty TNHH TM & KT Nhất Thiên Tâm	-	-	8.032.200	8.032.200
Cty CP ĐT XD Kỹ Nguyên	901.542.711	901.542.711	439.418.380	439.418.380
Cty QL CTGT Sài Gòn	572.315.082	572.315.082	9.129.430.124	9.129.430.124
Nhà cung cấp khác	3.271.949.910	3.271.949.910	4.930.400.517	4.930.400.517
Cộng	153.651.867.752	153.651.867.752	111.138.542.405	111.138.542.405

Trong đó phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn	145.905.861.221	145.905.861.221	89.410.876.491	89.410.876.491
Cộng	145.905.861.221	145.905.861.221	89.410.876.491	89.410.876.491

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	31/12/2016
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	-	49.999.839
Truy thu tiền thất thoát nước	440.121.156	442.165.985
Tạm thu chi phí thiết kế ống cống	148.687.998	123.372.270
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	19.367.000	3.076.871.000
Tiền nước chưa giải trách	3.594.594.439	
Các khách hàng khác	131.519.097	33.595.903
Cộng	4.334.289.690	3.726.004.997

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Trong đó người mua trả tiền trước là bên liên quan**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	-	49.999.839
Cộng	0	49.999.839

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	<u>01/01/2017</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>31/12/2017</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa/ dịch vụ cung cấp trong nước	-	59.816.183.568	59.816.183.568	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.178.813.252	3.520.826.326	3.178.813.252	3.520.826.326
Thuế thu nhập cá nhân	413.567.647	2.496.867.303	2.551.637.328	358.797.622
Tiền nhà đất, tiền thuê đất	3.537.898.800	713.097.000	-	4.250.995.800
Các loại thuế khác	9.418.509.006	100.366.233.087	101.199.505.119	8.585.236.974
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Thuế khác	-	720.000	720.000	-
Phí bảo vệ môi trường	9.418.509.006	100.362.513.087	101.195.785.119	8.585.236.974
Cộng	16.548.788.705	166.913.207.284	166.746.139.267	16.715.856.722

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Trích trước tạm tang tài sản	10.679.095.194	15.011.166.176
Trích trước chi phí gắn đồng hồ nước theo nghị định 117	28.442.618.322	36.778.802.595
Trích trước chi phí gắn ống cái	349.189.056	-
Thù lao Hội đồng quản trị	-	108.000.000
Chi phí khác	44.324.511	46.112.850
Cộng	39.515.227.083	51.944.081.621

15. Phải trả khác

a) Phải trả ngắn hạn khác	15.478.722.500	18.847.213.384
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.944.490.980
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	150.000.000
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm phải nộp	4.253.425	116.790.044
Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.170.304.073	3.802.042.400
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại để chi	239.749.986	221.737.177
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1.116.623.691	1.084.960.576
Các khoản phải trả khác	1.728.695.857	5.527.192.207
b) Phải trả dài hạn khác	18.845.260.211	20.660.321.417
Phải trả khách hàng đầu tư ống cái gắn đồng hồ nước	18.845.260.211	20.660.321.417
Cộng	34.323.982.711	39.507.534.801

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó phải trả khác là bên liên quan

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	7.109.095.468	7.944.490.980
Công ty TNHH MTV CT Giao Thông Công Chánh	110.000.000	150.000.000
Cộng	7.219.095.468	8.094.490.980

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vay và nợ tài chính

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.199.169.755	2.199.169.755	-	2.199.169.755	-	-
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn đến hạn trả (Xem thuyết minh V.16b ((i)))	2.199.169.755	2.199.169.755	-	2.199.169.755	-	-
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	5.499.949.329	5.499.949.329	-	-	5.499.949.329	5.499.949.329
Vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (i)	5.499.949.329	5.499.949.329	-	-	5.499.949.329	5.499.949.329
Cộng	7.699.119.084	7.699.119.084	-	2.199.169.755	5.499.949.329	5.499.949.329

(i) Vay ngắn hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn theo các hợp đồng sau :

- [1] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 1388/HĐVV - CT - KTTC ngày 03 tháng 04 năm 2008
+ Hạn mức vay : 5.688.000.000 VND
+ Thời hạn trả nợ gốc : Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Mỗi kỳ 158.000.000 VND
+ Lãi vay : 8,4%/năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 336.297.823 VND
- [2] - Hợp đồng vay : Số Hợp đồng 4742/HĐVV - TCT - KTTC ngày 11 tháng 11 năm 2009
+ Hạn mức vay : 705.845.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	+ Thời hạn trả nợ gốc	: Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 19.606.805 VND, kỳ 36 trả 19.606.825 VND
	+ Lãi vay	: 8,4%/năm
	+ Thời hạn vay	: 10 năm
	+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
	+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
	+ Dư nợ 31/12/2016	: 82.195.229 VND
[3]	- Hợp đồng vay	: Số Hợp đồng 2363/HĐVV - TCT – KTTC ngày 05 tháng 08 năm 2010
	+ Hạn mức vay	: 108.942.413 VND
	+ Thời hạn trả nợ gốc	: Sau 1 năm ân hạn, trả trong 36 kỳ. Từ kỳ 1 tới kỳ 35 3.026.178 VND, kỳ 36 trả 3.026.183 VND
	+ Lãi vay	: 8,4%/năm
	+ Thời hạn vay	: 10 năm
	+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
	+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
	+ Dư nợ 31/12/2016	: 45.392.655 VND
[4]	- Hợp đồng vay	: Số 3703/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
	+ Hạn mức vay	: 2.555.536.000 VND
	+ Thời gian ân hạn	: 1 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc	: Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 70.987.000 VND; Kỳ 36 là 70.991.000 VND)
	+ Lãi vay	: 11,4%/ năm
	+ Thời hạn vay	: 10 năm
	+ Kỳ hạn thanh toán lãi	: 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
	+ Mục đích vay	: Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
	+ Tài sản đảm bảo	: Tài sản hình thành từ vốn vay
	+ Dư nợ 31/12/2016	: 1.566.542.460 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- [5] - Hợp đồng vay : Số 3710/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 5.239.758.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Thanh toán trong 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ)
- Từ kỳ 1 tới 35 : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.272.000/ kỳ
: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.276.000/ kỳ
- Kỳ 36 : Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 2) là 74.293.000/ kỳ
: Dự án Phát triển mạng lưới cấp nước xã Phạm Văn Hai (Đợt 3) là 71.285.000/ kỳ
+ Lãi vay : 11,4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 3.193.529.471 VND
- [6] - Hợp đồng vay : Số 3702/HĐVV-TCT-KTTC ngày 26/11/2012
+ Hạn mức vay : 8.155.804.000 VND
+ Thời gian ân hạn : 1 năm
+ Kỳ hạn thanh toán nợ gốc : Chia 36 kỳ (3 tháng là 1 kỳ) (Từ kỳ 1 tới 35 là 226.550.000 VND; Kỳ 36 là 226.554.000 VND)
+ Lãi vay : 11,4%/ năm
+ Thời hạn vay : 10 năm
+ Kỳ hạn thanh toán lãi : 3 tháng 1 lần vào ngày làm việc cuối cùng của tháng cuối quý
+ Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.
+ Tài sản đảm bảo : Tài sản hình thành từ vốn vay
+ Dư nợ 31/12/2016 : 2.475.161.446 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Trong vòng 1 năm	1.788.212.721	2.199.169.755
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	3.711.736.608	5.499.949.329
Sau 5 năm	-	-
Cộng	5.499.949.329	7.699.119.084
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.788.212.721)</u>	<u>(2.199.169.755)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>3.711.736.608</u>	<u>5.499.949.329</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tại ngày 01 tháng 01	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Tăng khác	Tại ngày 31 tháng 12
2016					
Quỹ khen thưởng	1.453.477.511	2.549.870.877	2.321.670.000	62.000.000	1.743.678.388
Quỹ phúc lợi	673.099.190	2.549.870.877	2.684.777.267	-	538.192.800
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	678.594.669	678.594.669	-	-
Cộng	2.126.576.701	5.778.336.423	5.685.041.936	62.000.000	2.281.871.188
2017					
Quỹ khen thưởng	1.743.678.388	2.549.870.877	2.455.143.608	113.100.000	1.951.505.657
Quỹ phúc lợi	538.192.800	2.549.870.877	2.985.547.250	5.650.401	108.166.828
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành		678.594.669	660.087.543	74.483.726	92.990.852
Cộng	2.281.871.188	5.778.336.423	6.100.778.401	193.234.127	2.152.663.337

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
01/01/2016	130.000.000.000	51.992.092.191	29.337.865.612	211.329.957.803
Lãi trong năm trước	-	-	14.181.562.096	14.181.562.096
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	5.394.575.501	(5.394.575.501)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(10.400.000.000)	(10.400.000.000)
31/12/2016	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
01/01/2017	130.000.000.000	57.386.667.692	21.946.515.784	209.333.183.476
Lãi trong năm nay	-	-	14.083.305.308	14.083.305.308
Trích lập các quỹ ĐTPPT –DPTC	-	5.726.427.237	(5.726.427.237)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.778.336.423)	(5.778.336.423)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
31/12/2017	130.000.000.000	63.113.094.929	15.425.057.428	208.538.152.357

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 số **0304797806** ngày 16 tháng 05 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty là 13.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2		31/12/2017	31/12/2016
	<u>VND</u>	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn	3.000.000.000	2,31	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại CP Đông Á	2.766.520.000	2,13	2.766.520.000	2.766.520.000
Công ty Đầu Tư tài chính Nhà Nước Tp. HCM	3.005.000.000	2,31	3.005.000.000	3.005.000.000
Lê Huy Hùng	18.902.500.000	14,54	18.902.500.000	-
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn	66.304.000.000	51,00	66.304.000.000	66.304.000.000
Các cổ đông khác	36.021.980.000	27,73	54.924.480.000	54.924.480.000
Cộng	130.000.000.000	100,00	130.000.000.000	130.000.000.000

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.000.000</i>	<i>13.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 số 43/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2016 như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.100.000.000	10.400.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.726.427.237	5.394.575.501
Trích quỹ khen thưởng	2.549.870.877	2.549.870.877
Trích quỹ phúc lợi	2.549.870.877	2.549.870.877
Quỹ thưởng ban điều hành	678.594.669	678.594.669
Cộng	<u>20.604.763.660</u>	<u>21.572.911.924</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Doanh thu thuần	1.076.404.782.155	976.319.902.922
Doanh thu cung cấp nước	1.046.912.779.999	952.740.240.009
Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.492.002.156	23.579.662.913
Cộng	<u>1.076.404.782.155</u>	<u>976.319.902.922</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
Giá vốn cung cấp nước	1.000.575.330.450	895.168.132.045
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.390.386.648	13.398.696.500
Cộng	1.013.965.717.097	908.566.828.545

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.162.882.466	1.741.821.777
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.156.524	170.145.535
Cổ tức, lợi nhuận được chia	376.400	-
Cộng	1.241.415.390	1.911.967.312

4. Chi phí tài chính

Lãi tiền vay	1.070.577.493	1.044.933.161
Cộng	1.070.577.493	1.044.933.161

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng	10.416.764.228	10.136.582.025
Chi phí công cụ, dụng cụ	835.383.492	597.474.927
Chi phí khấu hao	871.064.698	559.310.024
Chi phí bằng tiền khác	1.418.888.534	1.490.038.245
Cộng	13.542.100.952	12.783.405.221

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	21.198.554.215	19.707.771.441
Chi phí vật liệu quản lý		36.428.999
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.533.307.929	1.942.487.528
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.057.926.000	3.644.354.796
Thuế, phí và lệ phí	908.332.767	3.626.516.568
Chi phí dự phòng giảm giá	66.440.804	553.671.397
Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.529.865	370.286.370
Chi phí bằng tiền khác	7.798.404.155	9.692.135.000
Cộng	37.851.495.735	39.573.652.099

7. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác	7.374.166.496	3.100.126.823
Thu nhập bán hồ sơ mời thầu	72.727.280	163.636.380
Thu nhập khách hàng đầu tư ống cái không hoàn lại	1.966.587.803	2.767.582.294
Tiền bồi thường di dời hệ thống cấp nước	3.076.871.000	-
Thanh lý TSCĐ	62.236.105	52.272.727
Tiền nước khách hàng thanh toán trùng, thừa...	2.023.945.026	
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	25.046.000	48.599.000

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập khác	146.753.282	68.036.422
Chi phí khác	986.341.131	2.002.802.683
Chi phí hồ sơ mời thầu		53.070.982
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý		-
Chi phí đầu tư không hoàn vốn ông cái	1.196.472.729	1.911.227.067
Chi phí bồi thường, di dời	(336.881.939)	
Chi phí khác	126.750.341	38.504.634
Lợi nhuận khác thuần	6.387.825.365	1.097.324.140

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2017	2016
Lợi nhuận trước thuế	17.604.131.633	17.360.375.348
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch	(5.056.147.137)	5.215.050.644
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	22.660.278.770	5.279.212.455
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		192.949.594
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		192.949.594
Tỷ lệ ưu đãi đầu tư kinh doanh nước sạch	40%	41%
Thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	17.604.131.633	17.553.324.942
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch được ưu đãi	(2.024.882.093)	2.212.344.908
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch không được ưu đãi	(3.031.265.045)	10.061.767.579
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	22.660.278.770	5.279.212.455
Thuế suất áp dụng		
- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	5%	5%
- Đối với hoạt động kinh doanh khác	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.520.826.326	3.178.813.252
- Thuế tăng/ giảm theo Quyết định thanh tra	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.520.826.326	3.178.813.252

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo kể từ năm 2007.

Theo biên bản kết luận thanh tra thuế số 1757/KL-CT ngày 14 tháng 12 năm 2015 thì từ kỳ tính thuế năm 2009, Công ty sẽ được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính cho thời gian còn lại. Do đó đến hết kỳ tính thuế năm 2008, Công ty đã hết thời gian miễn thuế theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC nên mức ưu đãi Công ty được hưởng cụ thể như sau : Thuế suất 10% từ năm

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2009 đến năm 2021; giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tính từ năm 2009.

Năm 2017 là năm thứ 9 Công ty được hưởng ưu đãi giảm thuế 50% đối với thu nhập từ hoạt động quản lý phát triển hệ thống cấp thoát nước.

Đối với hoạt động khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.083.305.308	14.181.562.096
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.058.587.943)	(3.253.966.346)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.024.717.365	10.927.595.750
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	771	841

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.083.305.308	14.181.562.096
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.058.587.943)	(3.253.966.346)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.024.717.365	10.927.595.750
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu		-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	10.024.717.365	10.927.595.750
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm		-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.000.000	13.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	771	841

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
Chi phí nước sạch	709.144.123.371	693.455.488.124
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.553.461.525	14.211.884.454
Chi phí nhân công	103.772.195.457	97.490.751.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.500.206.731	43.548.577.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.573.861.205	34.647.015.144
Chi phí khác bằng tiền	143.815.465.496	77.420.236.360
Cộng	1.065.359.313.785	960.773.952.881

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2017	2016
Cổ tức chưa thanh toán	1.116.623.691	825.223.336
Lãi tiền gửi còn dự thu	83.437.500	33.583.333

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	2017	2016
Lãi tiền gửi ngân hàng còn dự thu cuối kỳ trước đã thu trong kỳ này	33.583.333	66.305.556
Cổ tức năm trước được chi trả trong kỳ này	8.808.599.645	955.091.956

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
Công ty Công trình giao thông Công Chánh
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước

Mối quan hệ

Công ty mẹ (nắm giữ 51% vốn Điều lệ)
Công ty cùng tập đoàn
Công ty cùng tập đoàn

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Mua hàng hóa (nước sạch)	709.144.123.371	693.453.271.427
Mua vật tư	14.692.408.240	37.038.259.728
Thuê tài sản hoạt động	57.285.331.340	33.362.737.723
Lãi vay phải trả	1.070.577.493	760.003.653
Phải trả XDCB và TSCĐ	5.201.461.725	2.300.561.741
Phải trả do thu hộ và tiền dịch vụ khác	118.600.000	5.600.000
Phải thu do chi hộ	174.845.990	215.879.630
Phải thu thi công trực cứu hỏa		4.305.822.538
Phải thu cho thuê TSCĐ	3.009.941.426	
Phải thu do chuyển nhượng ĐHN Bình Chánh	82.492.664.487	
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>8.925.853.671</u>	<u>3.840.180.994</u>
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả ký quỹ, bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	120.000.000
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>45.454.545</u>	<u>2.268.000</u>
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước		
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB, gia công đồng hồ nước	<u>244.377.603</u>	<u>117.435.187</u>
Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch		
Phải thu do cung cấp dịch vụ	<u>292.797.381</u>	<u>-</u>
Cty TNHH MTV Nước Ngầm Sài Gòn		
Phải trả tiền mua TSCĐ và tiền kiểm định ĐHN	<u>-</u>	<u>1.364.629.636</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn		
Phải thu thương mại	104.486.986.997	5.807.393.426
Phải thu các khoản chi hộ	2.987.027.416	2.979.831.246
Phải trả thương mại	(145.905.861.221)	(89.410.876.491)
Phải trả phí thực hiện công trình XDCB	(7.109.095.468)	(7.944.490.980)
Phải trả tiền vay	<u>(5.499.949.329)</u>	<u>(7.699.119.084)</u>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty Công trình giao thông Công Chánh		
Phải trả đặt cọc di dời đường ống	(110.000.000)	(150.000.000)
Phải trả tiền ứng trước cung cấp dịch vụ		(49.999.839)
Công ty CP tư vấn Xây dựng Cấp Nước		
Ứng trước phí thực hiện lập báo cáo đầu tư và khảo sát, tự thiết kế, tư vấn giám sát công trình	446.849.460	460.117.360

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng .

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>2017</u>	<u>2016</u>
Tiền lương	1.893.044.960	1.571.398.800
Các khoản bảo hiểm phải trả	77.739.486	57.516.810
Cộng	<u>1.970.784.446</u>	<u>1.628.915.610</u>

2. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm: Bộ phận cung cấp nước sạch và bộ phận lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác. Tuy nhiên, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung cấp nước sạch các lĩnh vực còn lại chiếm tỷ lệ nhỏ, không đáng kể.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty đều diễn ra ở khu vực hoạt động kinh doanh của Công ty (quận 5, quận 6, quận 8, quận Bình Tân).

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.16a và V.16b trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Các khoản vay	5.499.949.329	7.699.119.084
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(50.360.540.017)	(45.735.185.677)
Nợ thuần	(44.860.590.688)	(38.036.066.593)
Vốn chủ sở hữu	208.538.152.357	209.333.183.476
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	(0,22)	(0,18)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	50.360.540.017	45.735.185.677	45.735.185.677
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.330.000	8.330.000	8.330.000	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	110.399.964.473	6.201.362.575	6.201.362.575
Phải thu khác	3.078.366.431	3.078.366.431	3.179.023.162	3.179.023.162
Cộng	163.847.200.921	163.847.200.921	55.123.901.414	55.123.901.414
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	153.651.867.752	153.651.867.752	147.917.345.000	147.917.345.000
Chi phí phải trả	39.515.227.083	39.515.227.083	15.165.279.026	15.165.279.026
Phải trả khác	34.079.979.300	34.079.979.300	39.169.007.580	39.169.007.580
Các khoản vay	5.499.949.329	5.499.949.329	7.699.119.084	7.699.119.084
Cộng	232.747.023.464	232.747.023.464	209.950.750.690	209.950.750.690

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.2a và số V.2b.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày lập Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá khác.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Toàn bộ các khoản vay của Công ty là từ Công ty mẹ và các Công ty trong cùng tập đoàn với lãi suất ổn định nên Công ty không có rủi ro về lãi suất.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng..).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.360.540.017	-	-	50.360.540.017
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	110.399.964.473	-	-	110.399.964.473
Phải thu khác	3.070.464.916	7.901.515	-	3.078.366.431
Cộng	163.830.969.406	16.231.515	-	163.847.200.921
Phải trả cho người bán	153.651.867.752	-	-	153.651.867.752
Chi phí phải trả	39.515.227.083	-	-	39.515.227.083
Phải trả khác	15.234.719.089	18.845.260.211	-	34.079.979.300
Các khoản vay	1.788.212.721	3.711.736.608	-	5.499.949.329
Cộng	210.190.026.645	22.556.996.819	-	232.747.023.464
Chênh lệch thanh khoản thuần	(46.359.057.239)	(22.540.765.304)	-	(68.899.822.543)
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	45.735.185.677	-	-	45.735.185.677
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	8.330.000	-	8.330.000
Phải thu của khách hàng	6.201.362.575	-	-	6.201.362.575
Phải thu khác	3.013.414.579	165.608.583	-	3.179.023.162
Cộng	54.949.962.831	173.938.583	-	55.123.901.414
Phải trả cho người bán	111.138.542.405	-	-	111.138.542.405
Chi phí phải trả	51.944.081.621	-	-	51.944.081.621
Phải trả khác	18.508.686.163	20.660.321.417	-	39.169.007.580
Các khoản vay	2.199.169.755	5.499.949.329	-	7.699.119.084
Cộng	183.790.479.944	26.160.270.746	-	209.950.750.690
Chênh lệch thanh khoản thuần	(128.840.517.113)	(25.986.332.163)	-	(154.826.849.276)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức cao do các công nợ tài chính cao hơn tài sản tài chính. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC CHỢ LỚN

Số 97, đường Phạm Hữu Chí, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Một số khoản mục tương ứng trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 do việc áp dụng Thông tư 200, chi tiết như sau:

Bảng cân đối kế toán

	01/01/2017 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	01/01/2017 (Đã được trình bày lại)
Phải trả người bán ngắn hạn	147.917.345.000	(36.778.802.595)	111.138.542.405
Chi phí phải trả ngắn hạn	15.165.279.026	36.778.802.595	51.944.081.621

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm 2016 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	Năm 2016 (Đã được trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.685	46	1.731

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2018



Lê Trọng Hiếu
Giám đốc


Vũ Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Kim Loan
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

BẢN GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUÍ IV NĂM 2017

Theo báo cáo kết quả kinh doanh quý 4 năm 2017 của Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Chợ Lớn, những chỉ tiêu có tỷ lệ thay đổi tăng, giảm làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của quý 4 năm 2017 như sau:

I. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2017 (1)	Quý IV năm 2016 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Doanh thu bán hàng gồm:	325.933.341.555	243.475.305.897	82.458.035.658	133,87%
Doanh thu nước	240.439.735.642	243.475.305.897	(3.035.570.255)	98,75%
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động	3.000.941.426		3.000.941.426	
Doanh thu chuyển nhượng ĐHN	82.492.664.487		82.492.664.487	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.962.101.271	10.200.630.753	4.761.470.518	146,68%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	340.895.442.826	253.675.936.650	87.219.506.176	134,38%

b. Thuyết minh:

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 87.219.506.176 đồng, tỷ lệ tăng 134,38% do:

1. Doanh thu bán hàng quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4/2016 là 82.458.035.658 đồng, tỷ lệ tăng 133,867% do:

1.1 Doanh thu nước giảm 3.035.570.255 đồng, tỷ lệ giảm 1,2% do:

Sản lượng nước cung cấp quý 4 năm 2017 giảm so với quý 4 năm 2016 là 743,913 m³, tỷ lệ giảm 2,806% làm cho doanh thu giảm 6.920.374.668 đồng, sản lượng quý 4 năm 2017 giảm do Công ty chuyển giao địa bàn huyện Bình Chánh nên sản lượng quý 4 không có sản lượng Bình Chánh

Giá bán bình quân quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 133 đồng/m³, tỷ lệ tăng 101,45% làm cho doanh thu tăng 3.426,364,221 đồng

Doanh thu truy thu tiền nước quý 4/2017 là 2.190,228,372 đồng cao hơn quý 4/2016 là 653,055,329 đồng, tỷ lệ tăng 142,48%

1.2 Doanh thu chuyển nhượng ĐHN và cho thuê TSCĐ trên địa bàn Bình Chánh tăng 85.492.664.487 đồng do: Ngày 21/06/2017, Công ty đã chuyển giao mạng lưới cấp nước và ĐHN trên địa bàn huyện Bình Chánh về Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn nên Công ty đã ký kết hợp đồng cho thuê tài sản cố định và chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh. Điều này đã làm cho doanh thu tăng 85.493.605.913 đồng so với quý 4/2016

2. Doanh thu cung cấp dịch vụ quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 4.761.470.518 đồng, tỷ lệ tăng 146,68% do năm 2017 ngoài việc cung cấp dịch liên quan đến ĐHN cho khách hàng, quý 4/2017 Công ty còn thực hiện công tác lắp đặt ĐHT phân vùng tách mạng huyện Bình Chánh cho Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn

II. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

a. Phân tích chỉ tiêu:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2017 (1)	Quý IV năm 2016 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Giá vốn hàng bán nước	298.282.573.679	217.370.312.388	80.912.261.291	137,22%
Giá vốn hàng bán cung cấp dịch vụ	3.535.469.449	3.699.520.559	(164.051.110)	95,57%
Cộng	301.818.043.128	221.069.832.947	80.748.210.181	136,53%

Trong đó chi tiết giá vốn nước:

Chỉ tiêu (A)	Quý IV năm 2017 (1)	Quý IV năm 2016 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Tỷ lệ (4)=(1)/(2)
Chi phí nguyên vật liệu – nước sạch	162.482.765.563	127.946.465.276	34.536.300.287	126,99%
Chi phí nguyên vật liệu khác	1.034.447.143	1.845.648.855	(811.201.712)	56,05%
Chi phí nhân công	25.599.206.131	22.841.599.647	2.757.606.484	112,07%
Chi phí khấu hao tài sản	9.919.610.603	10.327.929.949	(408.319.346)	96,05%
Chi phí thuê tài sản hoạt động	14.669.160.214	27.164.771.574	(12.495.611.360)	54,00%

Chi phí gắn và thay đồng hồ nước	81.994.153.480	25.576.284.421	56.417.869.059	320,59%
Chi phí chống thất thoát nước	1.461.489.595	372.003.000	1.089.486.595	392,87%
Chi phí sửa bể	765.454.424	292.579.022	472.875.402	261,62%
Chi phí khác	356.286.526	1.003.030.644	(646.744.118)	35,52%
Tổng chi phí sản xuất	298.282.573.679	217.370.312.388	80.912.261.291	137,22%
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ	0	0	-	
Giá vốn đã cung cấp	298.282.573.679	217.370.312.388	80.912.261.291	137,22%

b. Thuyết minh

Giá vốn bán hàng quý 4 năm 2017 cao hơn so với quý 4 năm 2016 là 80,912,261,291 đồng, tỷ lệ tăng 1337,22% do:

1. Sản lượng nước mua si quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 31.339 m3, tỷ lệ tăng 100.1%, làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 154.780,510 đồng

2. Giá mua si nước sạch tăng 1.053,5 đồng/m3, tỷ lệ giảm 127,11% làm cho chi phí mua si nước sạch tăng 34.691.080.798 đồng

3. Chi phí nhân công quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 2.757.606.484 đồng, tỷ lệ tăng 112,07% do doanh thu tăng 87.219.506.176 đồng

4. Chi phí thuê TSCĐ quý 4 năm 2017 giảm so với quý 4 năm 2016 là 12.495.611.360 đồng, tỷ lệ giảm 46%. Thực tế, tổng chi phí thuê TSCĐ năm 2017 cao hơn chi phí thuê TSCĐ năm 2016 là 23.008.602.566 đồng, nhưng năm 2017 chi phí thuê TSCĐ đã được phân bổ đều trong các quý còn năm 2016 phân bổ vào quý 4 năm 2016 => điều này dẫn đến chi phí thuê quý 4/2017 thấp hơn chi phí thuê TSCĐ quý 4/2016

5. Chi phí gắn và thay ĐHN quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 56.417.869.059 đồng, tỷ lệ tăng 320,59% do năm 2017, Công ty chuyển nhượng ĐHN huyện Bình Chánh cho Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn vì vậy chi phí gắn ĐHN của huyện Bình Chánh năm 2015, 2016, 2017 sẽ được hạch toán toàn bộ chi phí để tương ứng với doanh thu chuyển nhượng ĐHN

6. Chi phí CTTN quý 4/2017 tăng so với quý 4/2016 là 1.089.486.595đ, tỷ lệ tăng 392,87% do quý 4 Công ty đã tập trung công tác CTOM và thay thế ĐHT để giảm tỷ lệ thất thoát nước

7. Chi phí sửa bể quý 4/2017 tăng cao so với quý 4/2016 là 472.875.402 đồng, tỷ lệ tăng 261,62%

8. Chi phí khác giảm 646.744.118 đồng so với quý 4/2016, tỷ lệ giảm 64,4%

III. CHI PHÍ BÁN HÀNG

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	3.017.709.962	3.612.610.364	(594.900.402)	83,53%
Chi phí công cụ dụng cụ	463.785.141	201.415.359	262.369.782	230,26%
Chi phí khấu hao	231.703.410	183.664.002	48.039.408	126,16%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	342.229.282	408.820.238	(66.590.956)	83,71%
Cộng	4.055.427.795	4.406.509.963	(351.082.168)	92,03%

b. Thuyết minh:

Chi phí bán hàng quý 4 năm 2017 biến động không nhiều so với quý 4 năm 2016.

IV. CHI PHÍ QUẢN LÝ

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Chi phí nhân công	7.872.996.180	8.856.182.269	(983.186.089)	88,90%
Chi phí công cụ dụng cụ	1.372.021.148	982.807.479	389.213.669	139,60%
Chi phí khấu hao	1.153.357.078	953.212.168	200.144.910	121,00%
Thuế, phí chuyển tiền	327.984.123	3.537.898.800	(3.209.914.677)	9,27%
Chi phí dự phòng	66.440.804	553.671.397	(487.230.593)	12,00%
Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác	2.426.324.770	5.267.590.572	(2.841.265.802)	46,06%
Cộng	13.219.124.103	20.151.362.685	(6.932.238.582)	65,60%

b. Thuyết minh:

Chi phí quản lý doanh nghiệp quý 4 năm 2017 giảm so với quý 4 năm 2016 là 6.932.238.582 đồng, tỷ lệ giảm 34,4% do:

1. Chi phí nhân công giảm: 983.186.089 đồng, tỷ lệ giảm 11,1%

2. Chi phí công cụ dụng cụ tăng 389.213.669 đồng, tỷ lệ tăng 139,6%

3. Chi phí KHTSCĐ tăng 200.144.910 đồng, tỷ lệ tăng 121%

4. Thuế, phí chuyển tiền giảm 3.209.914.677 đồng, tỷ lệ giảm 90,7% do quý 4 năm 2017 Công ty hạch toán chi phí tiền thuê đất của 1 năm 2017, năm 2016 hạch toán chi phí tiền thuê đất của 5 năm (từ năm 2012 đến năm 2016)

5. Chi phí dịch vụ mua ngoài + CP khác quý 4/2017 giảm so với quý 4 năm 2016 là 2.841.265.802 đồng, tỷ lệ giảm 53,9%

V. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	683.149.200	794.253.333	(111.104.133)	86,01%
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.636.972	28.709.822	(13.072.850)	54,47%
Cộng	698.786.172	822.963.155	(124.176.983)	84,91%

b. Thuyết minh:

Lãi tiền gửi ngân hàng quý 4 năm 2017 giảm so với quý 4 năm 2016 là 124.176.983 đồng, tỷ lệ giảm 15,089% do quý 4 năm 2017 lượng tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại ngân hàng thấp hơn so với quý 4 năm 2016

VI. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lãi vay	465.717.983	237.530.677	228.187.306	196,07%
Cộng	465.717.983	237.530.677	228.187.306	196,07%

b. Thuyết minh:

Chi phí hoạt động tài chính quý 4 năm 2017 tăng so với quý 4 năm 2016 là 228.187.306 đồng, tỷ lệ tăng 196,07%

VII. THU NHẬP KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Thu hồ sơ mời thầu	2.727.273	5.454.546	(2.727.273)	50,00%
Thu tiền KH đầu tư ống cái	408.056.963	837.394.889	(429.337.926)	48,73%
Thu tiền thanh lý tài sản	62.236.105		62.236.105	
Xử lý công nợ tiền nước	2.023.945.026		2.023.945.026	
Khảo sát cung cấp đường ống cấp thoát nước	25.046.000		25.046.000	
Thu bồi thường di dời hệ thống cấp nước	3.076.871.000		3.076.871.000	
Thu khác	63.795.646	53.898.840	9.896.806	118,36%
Cộng	5.662.678.013	896.748.275	4.765.929.738	631,47%

b. Thuyết minh:

Thu nhập khác của quý 4/2017 tăng so với quý 4/2016 là 4.765.929.738 đồng, tỷ lệ tăng 631,47% do quý 4/2017, phát sinh khoản thu bồi thường di dời hệ thống cấp nước và xử lý công nợ tiền nước do khách hàng thanh toán trùng, thừa... từ năm 2015 trở về trước

IX. CHI PHÍ KHÁC

a. Phân tích chi tiêu:

Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Đăng báo mời thầu		38.370.982	(38.370.982)	0,00%
Chi phí bồi thường di dời	(336.881.939)		(336.881.939)	
Chi phí ống cái do KH đầu tư không hoàn vốn	1.175.949.549	1.633.787.552	(457.838.003)	71,98%
Chi phí khác	35.702.076	25.177.131	10.524.945	141,80%
Cộng	874.769.686	1.697.335.665	(822.565.979)	51,54%

b. Thuyết minh:

Chi phí khác của quý 4/2017 giảm so với quý 4/2016 là 822.565.979 đồng do chi phí đầu tư ống cái khách hàng không hoàn vốn giảm 457.838.003 đồng, tỷ lệ giảm 28,1% và chi phí bồi thường di dời giảm 336.881.939 đồng

IX. LỢI NHUẬN:

a. Phân tích chi tiêu:



Chỉ tiêu	Quý IV năm 2017	Quý IV năm 2016	Chênh lệch	Tỷ lệ
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(1)/(2)
Lợi nhuận trước thuế TNDN	26.823.824.316	7.833.076.234	18.990.748.082	342,44%
Thuế TNDN	3.520.826.326	3.172.794.158	348.032.168	110,97%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.302.997.990	4.660.282.076	18.642.715.914	500,03%

b. Thuyết minh:

Qua phân tích các chỉ tiêu doanh thu, chi phí của quý 4/2017 và quý 4/2016: do tốc độ doanh thu tăng cao hơn tốc độ tăng chi phí, cụ thể tốc độ doanh thu tăng là 135,97%, tốc độ tăng chi phí 129,44% làm cho lợi nhuận trước thuế quý 4/2017 cao hơn quý 4/2016 là 18.990,748,082 đồng, tỷ lệ tăng là 342,44%

LẬP BIỂU



NGUYỄN THỊ KIM LOAN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VŨ THỊ NHƯ QUỲNH

